

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	7-9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 33

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức (gọi tắt là “Công ty”) được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Xí nghiệp Bê tông Ly tâm Thủ Đức thuộc Công ty Xây lắp Điện 2 (nay là Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 2) theo Quyết định số 180/2003/QĐ-BCN ngày 06 tháng 11 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương).

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0303171325 (số cũ 4103002081) đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 02 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 03 tháng 06 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: THUDUC CENTRIFUGAL CONCRETE JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: TDC.

Trụ sở chính của Công ty tại số 356 A Xa lộ Hà Nội, Phường Phước Long A, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Thế Thành	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 28/04/2017)
	Ông Đỗ Chí Nguyễn	Chủ tịch (Bỏ nhiệm ngày 28/04/2017)
	Ông Nguyễn Hữu Ý	Ủy viên
	Ông Hồ Đăng Khoa	Ủy viên (Bỏ nhiệm ngày 28/04/2017)
	Bà Phan Thị Hồng Phúc	Ủy viên (Bỏ nhiệm ngày 28/04/2017)
	Ông Tạ Đăng Tính	Ủy viên
	Bà Hà Thị Kim Dung	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 28/04/2017)
	Ông Trần Hữu Thạch	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 28/04/2017)
Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Hữu Ý	Giám đốc (Bỏ nhiệm lại từ 28/04/2017)
	Ông Trần Hữu Thạch	Phó Giám đốc
	Ông Hồ Đăng Khoa	Phó Giám đốc
	Bà Phan Thị Hồng Phúc	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc, 



Nguyễn Hữu Ý

Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2018

Số: 298/2018/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬPVề Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
của Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức, được lập ngày 26 tháng 03 năm 2018, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không. Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



A blue ink signature, likely belonging to Nguyễn Thị Minh Anh.

Phan Thanh Nam
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 02/2018/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2018 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2018

Nguyễn Thị Minh Anh
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1492-2018-137-1

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2017	01/01/2017
			VND	Trình bày lại VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		120.175.552.235	126.173.545.425
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	60.766.815.170	57.777.825.766
1. Tiền	111		14.266.815.170	10.277.825.766
2. Các khoản tương đương tiền	112		46.500.000.000	47.500.000.000
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		40.962.439.683	55.005.157.083
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	54.506.604.508	57.222.528.045
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	4.782.738.768	16.086.811.247
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	2.931.804.810	2.931.804.810
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	5.452.658.482	3.712.981.858
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.6	(26.711.366.885)	(24.948.968.877)
IV- Hàng tồn kho	140	5.7	18.446.297.382	13.390.562.576
1. Hàng tồn kho	141		18.492.887.970	13.437.153.164
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(46.590.588)	(46.590.588)
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		94.014.600.493	52.514.391.529
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		3.958.142.364	4.696.233.363
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	3.958.142.364	4.696.233.363
- Nguyên giá	222		33.382.639.717	32.072.907.611
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(29.424.497.353)	(27.376.674.248)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		44.019.822.383	205.126.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	44.019.822.383	205.126.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.10	46.027.275.746	47.610.210.491
1. Đầu tư vào công ty con	251		40.800.000.000	40.800.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		8.000.000.000	8.000.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.772.724.254)	(1.189.789.509)
VI Tài sản dài hạn khác	260		9.360.000	2.821.675
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		9.360.000	2.821.675
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		214.190.152.728	178.687.936.954

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2017	01/01/2017
			VND	Trình bày lại VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		73.019.507.331	59.570.707.924
I- Nợ ngắn hạn	310		67.509.273.092	59.570.707.924
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	27.526.150.934	20.140.044.090
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.929.637.858	3.954.447.722
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	7.863.792.776	8.288.481.778
4. Phải trả người lao động	314		15.148.185.406	11.420.448.253
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	1.143.496.644	201.439.703
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	1.297.347.877	5.323.576.806
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.15	9.484.718.638	8.566.796.613
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		2.115.942.959	1.675.472.959
II- Nợ dài hạn	330		5.510.234.239	
8. Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	338	5.16	5.510.234.239	-
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		141.170.645.397	119.117.229.030
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.17	141.170.645.397	119.117.229.030
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		64.141.000.000	64.141.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		64.141.000.000	64.141.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		6.737.500.000	6.737.500.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(18.090.000)	(18.090.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		42.229.383.604	27.166.395.449
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		28.080.851.793	21.090.423.581
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		(78.710.074)	-
- LNST chưa phân phối kì này	421b		28.159.561.867	21.090.423.581
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		214.190.152.728	178.687.936.954

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2018

Người lập



Bùi Minh Trúc

Kế toán trưởng



Phạm Anh Linh

Giám đốc



Nguyễn Hữu Ý

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2017	Năm 2016
			VND	Trình bày lại VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.18	225.435.539.423	237.293.369.362
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.18	225.435.539.423	237.293.369.362
4. Giá vốn hàng bán	11	5.19	175.211.384.469	186.911.780.567
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		50.224.154.954	50.381.588.795
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.20	8.350.125.938	7.403.849.063
7. Chi phí tài chính	22	5.21	3.254.384.985	1.035.312.106
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		53.718.486	-
8. Chi phí bán hàng	25	5.22	4.391.919.809	9.660.873.037
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.23	17.027.198.268	16.581.734.059
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		33.900.777.830	30.507.518.656
11. Thu nhập khác	31	5.24	64.587.228	316.505.891
12. Chi phí khác	32	5.24	224.734.800	29.396.202
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(160.147.572)	287.109.689
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		33.740.630.258	30.794.628.345
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.25	5.581.068.391	5.215.601.064
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		28.159.561.867	25.579.027.281

Người lập



Bùi Minh Trúc

Kế toán trưởng



Phạm Anh Linh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2018

Giám đốc



Nguyễn Hữu Ý

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2016	
		Năm 2017 VND	Trình bày lại VND
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	33.740.630.258	30.794.628.345
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	2.047.823.105	2.235.587.532
- Các khoản dự phòng	03	4.263.254.778	6.896.930.067
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(661.531)	-
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(8.320.006.836)	(7.542.917.326)
- Chi phí lãi vay	06	53.718.486	-
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	31.784.758.260	32.384.228.618
- Biến động các khoản phải thu	09	13.836.319.392	(17.038.816.151)
- Biến động hàng tồn kho	10	(5.055.734.806)	6.866.266.744
- Biến động các khoản phải trả	11	(1.500.567.298)	(2.493.419.852)
- Biến động chi phí trả trước	12	(6.538.325)	22.017.492
- Tiền lãi vay đã trả	14	(53.718.486)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.235.278.582)	(5.698.014.963)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	777.335.260	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.459.530.000)	(2.279.400.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	31.087.045.415	11.762.861.888
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(37.166.813.117)	(820.177.408)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	151.163.636
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(97.076.831.300)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	102.076.831.300
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.764.006.836	4.495.753.690
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(30.402.806.281)	8.826.739.918
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	10.022.478.434	-
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(4.512.244.195)	(800.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.206.145.500)	(7.876.748.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	2.304.088.739	(8.676.748.300)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	2.988.327.873	11.912.853.506
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	57.777.825.766	45.864.972.260
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	661.531	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	60.766.815.170	57.777.825.766

Người lập



Bùi Minh Trúc

Kế toán trưởng



Phạm Anh Linh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2018



Nguyễn Hữu Ý

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09-DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức (gọi tắt là “Công ty”) được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Xí nghiệp Bê tông Ly tâm Thủ Đức thuộc Công ty Xây lắp Điện 2 (nay là Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 2) theo Quyết định số 180/2003/QĐ-BCN ngày 06 tháng 11 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương).

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0303171325 (số cũ 4103002081) đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 02 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 03 tháng 06 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: THUDUC CENTRIFUGAL CONCRETE JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: TDC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 là 64.141.000.000 đồng.

Chi tiết vốn điều lệ đã góp tại thời điểm 31/12/2017

Stt	Đối tượng	Theo số cổ đông thực tế tại 31/12/2017		
		VND	%	Cổ phần
1	Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	32.711.910.000	51,01	3.271.191
2	Bà Hà Thị Kim Dung	3.236.100.000	5,05	323.610
3	Ông Phạm Ngọc Hiệp	1.368.000.000	2,13	136.800
4	Vốn góp của tổ chức, cá nhân khác	26.806.900.000	41,81	2.680.690
	Tổng	64.122.910.000	100	6.412.291

Trụ sở chính của Công ty tại số 356 A Xa lộ Hà Nội, Phường Phước Long A, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số lao động tại ngày 31/12/2017 là: 259 người (Tại ngày 31/12/2016 là 254 người)

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bê tông công nghiệp (trụ điện, cọc cừ, ống cống, ống cọc, cầu kiện bê tông, bê tông thương phẩm); Xây lắp đường dây tải điện và trạm biến áp điện đến 110 KV, điện dân dụng và điện công nghiệp; Thi công các công trình công nghiệp, dân dụng, cơ sở hạ tầng; Sản xuất và kinh doanh sản phẩm cơ khí (thiết bị nâng, thiết bị sản xuất bê tông, kết cấu thép, các sản phẩm cơ khí phi tiêu khác), vật liệu xây dựng, vật tư - thiết bị - máy móc kỹ thuật (trừ kinh doanh máy in); Tư vấn xây dựng (trừ kinh doanh dịch vụ thiết kế công trình); Chuyển giao công nghệ sản xuất bê tông công nghiệp; Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật liệu, vật tư, thiết bị kỹ thuật; Kinh doanh vận tải hàng hóa; Kinh doanh nhà; Thiết kế sản phẩm bê tông công nghiệp, cơ khí, thiết bị nâng công nghiệp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2017: Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bê tông công nghiệp.

1.3 Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31/12/2017, Công ty có công ty con, công ty liên kết và chi nhánh như sau:

	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
Đầu tư vào Công ty con			
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức 1	Sản xuất Bê tông ly tâm	51%	51%
Đầu tư vào Công ty liên kết			
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm VINAINCON	Sản xuất Xây lắp trụ điện	20%	20%
Đơn vị trực thuộc			
Chi nhánh Bình Dương - Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức	Sản xuất bê tông công nghiệp		

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung

TR
VIỆT NAM

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Các khoản tương đương tiền: Bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Các khoản cho vay

Là các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết

- Đầu tư vào công ty con: Các khoản đầu tư vào các công ty con mà công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)****b. Phương pháp khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2017
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc khác	05 - 25
Máy móc, thiết bị khác	02 - 06
Phương tiện vận tải	03 - 05
Thiết bị, dụng cụ quản lý	06 - 07

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau: trích trước tiền chiết khấu thanh toán

N: /
 C: /
 T: /
 KIỂM /
 TRA /
 3/ /

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm: Dự phòng bảo hành sản phẩm.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:
 - Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết: theo thực tế phát sinh.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, các khoản đầu tư dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả khách hàng và phải trả khác, các khoản vay và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông trừ đi số đã trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi sau đó chia cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	2.100.399.194	1.201.872.581
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.166.415.976	9.075.953.185
Tương đương tiền	46.500.000.000	47.500.000.000
Cộng	60.766.815.170	57.777.825.766

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng tại Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh 9 và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Sài Gòn với lãi suất 4,8%/ năm và 5,2%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.2 Các khoản phải thu khách hàng

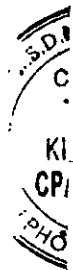
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	54.506.604.508	57.222.528.045
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức 1	4.992.327.066	2.325.274.334
Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công Nghệ Cao	19.710.773.864	19.710.773.864
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	3.454.473.860	10.037.903.060
Tổng Công ty Điện lực Tp. Hồ Chí Minh - Công ty Điện lực Củ Chi	168.024.999	1.732.663.759
Công ty Cổ phần Xây lắp Điện Miền Nam	2.082.640.037	1.509.849.974
Viễn Thông Bình Phước	4.105.636.216	1.968.199.200
Phải thu các đối tượng khác	19.992.728.466	19.937.863.854
Cộng	54.506.604.508	57.222.528.045
Trong đó, Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	8.827.690.926	12.744.067.394
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức 1	4.992.327.066	2.325.274.334
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	3.454.473.860	10.037.903.060
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm VINAINCON	380.890.000	380.890.000

5.3 Trả trước cho người bán

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Trả trước cho người bán	4.782.738.768	16.086.811.247
Ông Trần Yên Đình (Giải phóng mặt bằng)	-	13.750.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây Dựng Mỹ Tín	-	1.964.800.455
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Số 5	2.515.519.160	-
Hwasan Hydraulic Co.,Ltd	1.569.859.900	-
Phải thu các đối tượng khác	697.359.708	372.010.792
Cộng	4.782.738.768	16.086.811.247

5.4 Phải thu về cho vay

Phải thu về cho vay là khoản phải thu Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm VINAINCON theo Giấy nhận nợ số 01/2015 ngày 25 tháng 02 năm 2015. Số tiền cho vay: 3.831.804.810 đồng; Lãi suất cho vay: 7%/năm thả nổi tăng giảm theo lãi suất của Ngân hàng Viettinbank áp dụng cho Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức. Số dư đến ngày 31/12/2017: 2.931.804.810 đồng.



CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÁU B 09-DN

5.5 Các khoản phải thu khác

	31/12/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị ghi số	Dự phòng	Giá trị ghi số	Dự phòng
Ngắn hạn	5.452.658.482	345.690.255	3.712.981.858	345.690.255
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức I	4.452.000.000	-	2.896.000.000	-
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Dung Quất	345.690.255	345.690.255	345.690.255	345.690.255
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm VINAINCON	416.723.480	-	208.646.777	-
Tạm ứng	1.320.791	-	22.073.255	-
Phải thu khác	236.923.956	-	240.571.571	-
Trong đó phải thu các bên liên quan	4.868.723.480		3.104.646.777	
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức I	4.452.000.000	-	2.896.000.000	-
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm VINAINCON	416.723.480	-	208.646.777	-
Cộng	5.452.658.482	345.690.255	3.712.981.858	345.690.255

5.6 Nợ xấu

	31/12/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công Nghệ Cao	19.710.773.864	-	19.710.773.864	-
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm VINAINCON	2.931.804.810	-	2.931.804.810	1.465.902.405
Các đối tượng khác	4.412.488.304	343.700.093	4.066.559.124	294.266.516
Cộng	27.055.066.978	343.700.093	26.709.137.798	1.760.168.921
Trong đó:	Quá hạn 1-30 ngày	Quá hạn 31-60 ngày	Quá hạn 61-90 ngày	Quá hạn trên 90 ngày
Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công Nghệ Cao	-	-	-	19.710.773.864
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm VINAINCON	-	-	-	2.931.804.810
Các đối tượng khác	-	-	-	4.412.488.304
Cộng				27.055.066.978

CÔNG TY CỔ PHẦN BÈ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09-DN

5.7 Hàng tồn kho

	31/12/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá gốc	Dư phòng	Giá gốc	Dư phòng
Nguyên liệu, vật liệu	7.478.570.017	-	6.046.322.328	-
Công cụ, dụng cụ	72.293.919	-	102.003.613	-
Chi phí Sản xuất kinh doanh	370.884.000	-	-	-
Thành phẩm	8.416.014.097	(46.590.588)	7.288.827.223	(46.590.588)
Hàng gửi bán	2.155.125.937	-	-	-
Cộng	18.492.887.970	(46.590.588)	13.437.153.164	(46.590.588)

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.8 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2017	7.496.829.136	22.185.772.790	2.041.977.885	348.327.800	32.072.907.611
Tăng trong năm	-	844.732.106	465.000.000	-	1.309.732.106
Mua trong năm	-	578.728.386	465.000.000	-	1.043.728.386
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	266.003.720	-	-	266.003.720
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2017	7.496.829.136	23.030.504.896	2.506.977.885	348.327.800	33.382.639.717
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2017	6.868.422.470	18.744.581.056	1.510.799.560	252.871.162	27.376.674.248
Tăng trong năm	537.523.319	1.262.006.817	212.877.957	35.415.012	2.047.823.105
Khấu hao trong năm	537.523.319	1.262.006.817	212.877.957	35.415.012	2.047.823.105
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2017	7.405.945.789	20.006.587.873	1.723.677.517	288.286.174	29.424.497.353
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2017	628.406.666	3.441.191.734	531.178.325	95.456.638	4.696.233.363
Tại ngày 31/12/2017	90.883.347	3.023.917.023	783.300.368	60.041.626	3.958.142.364

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2017 với giá trị là 25.586.868.791 đồng (tại 31/12/2016: 21.994.634.204 đồng)

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Chi xây dựng cơ bản dở dang	44.019.822.383	205.126.000
Nhà máy Bền Cát Bình Dương (*)	29.319.822.383	205.126.000
Giá trị quyền sử dụng đất Bền Cát	14.700.000.000	-
Cộng	44.019.822.383	205.126.000

(*) Dự án Nhà máy sản xuất Bê tông ly tâm có vị trí tại Xã An Tây, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương thuộc dự án được phê duyệt tại Quyết định số 02/TTĐ ngày 14/01/2017 của Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức, được Sở Xây dựng tỉnh Bình dương cấp phép xây dựng số 639/GPXD ngày 09/03/2017. Dự án có vốn đầu tư 177.387.302.081 đồng, dự kiến sẽ hoàn thành và đưa vào sử dụng trong năm 2018.

5.10 Đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết

Đối tượng đầu tư	Tỷ lệ		31/12/2017		01/01/2017		Đơn vị tính: VND
	Vốn nắm giữ (%)	Quyền biểu quyết (%)	Số lượng	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)	
Đầu tư vào Công ty con				40.800.000.000	-	40.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức 1	51%	51%	4.080.000	40.800.000.000	-	40.800.000.000	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết				8.000.000.000	(2.772.724.254)	8.000.000.000	(1.189.789.509)
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm VINAINCON	20%	20%	800.000	8.000.000.000	(2.772.724.254)	8.000.000.000	(1.189.789.509)
Cộng				48.800.000.000	(2.772.724.254)	48.800.000.000	(1.189.789.509)

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư để thuyết minh trong Báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về việc sử dụng các kỹ thuật định giá trong việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dài hạn. Dự phòng được trích lập căn cứ vào khoản lỗ trên Báo cáo tài chính của bên được đầu tư.



CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.11 Phải trả người bán

	31/12/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)		
	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ	Đơn vị tính: VND
a) Ngân hạn	27.526.150.934	23.087.769.106	20.140.044.090	20.140.044.090	
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức 1	6.160.312.888	6.160.312.888	5.037.030.669	5.037.030.669	
Doanh nghiệp tư nhân Hiệp Hưng An	3.686.407.508	3.686.407.508	3.439.437.600	3.439.437.600	
Công ty TNHH Nghĩa Thành	4.334.053.101	4.334.053.101	6.489.295.500	6.489.295.500	
Công ty TNHH VLXD Minh Trường Thịnh	1.329.056.356	1.329.056.356	1.357.231.410	1.357.231.410	
Công ty TNHH XD Thương Mại AC	2.452.880.634	2.452.880.634	-	-	
Phải trả người bán khác	9.563.440.447	5.125.058.618	3.817.048.911	3.817.048.911	
Trong đó: Phải trả bên liên quan	6.160.312.888	6.160.312.888	5.037.030.669	5.037.030.669	
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức 1	6.160.312.888	6.160.312.888	5.037.030.669	5.037.030.669	
Cộng	27.526.150.934	23.087.769.106	20.140.044.090	20.140.044.090	

5.12 Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước

	01/01/2017		31/12/2017		
	Số phải nộp trong năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Đơn vị tính: VND
Phải nộp	8.288.481.778	14.022.703.638	14.447.392.640	7.863.792.776	
Thuế Giá trị gia tăng phải nộp	1.133.349.564	7.391.071.166	7.438.416.715	1.086.004.015	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.215.601.064	5.581.068.391	6.235.278.582	3.561.390.873	
Thuế thu nhập cá nhân	341.989.047	447.564.081	724.550.104	65.003.024	
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	2.347.215.264	600.000.000	46.147.239	2.901.068.025	
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	250.326.839	3.000.000	3.000.000	250.326.839	
Số thuế còn lại phải nộp	8.288.481.778	14.022.703.638	14.447.392.640	7.863.792.776	

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.13 Chi phí phải trả

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.143.496.644	201.439.703
Trích trước chi phí chiếu khấu bán hàng	720.567.000	201.439.703
Tiền ăn ca tháng 12 năm 2017	303.195.000	-
Chi phí khác	119.734.644	-
Cộng	1.143.496.644	201.439.703

5.14 Các khoản phải trả phải nộp khác

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.297.347.877	5.323.576.806
Kinh phí công đoàn	442.027.086	375.743.106
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	777.335.260	-
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam - Phải trả về cổ tức	-	4.947.833.700
Phải trả khác	77.985.531	-
b) Dài hạn	-	-
Cộng	1.297.347.877	5.323.576.806

5.15 Dự phòng phải trả ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn	9.484.718.638	8.566.796.613
Dự phòng bảo hành sản phẩm	9.484.718.638	8.566.796.613
a) Dài hạn	-	-
Cộng	9.484.718.638	8.566.796.613

5.16 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2017		Trong năm		1/1/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn	5.510.234.239	5.510.234.239	10.022.478.434	4.512.244.195	-	-
-Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương - Chi nhánh Đông Sài Gòn	5.510.234.239	5.510.234.239	10.022.478.434	4.512.244.195	-	-
Cộng	5.510.234.239	5.510.234.239	10.022.478.434	4.512.244.195	-	-

Hợp đồng cho vay dự án đầu tư của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Sài Gòn số 291/2017-HĐCVDADT/NHCT946-BTLTTD với số tiền cam kết cho vay có tổng trị giá không vượt quá 102.901.000.000 đồng. Mục đích vay dùng để thanh toán các chi phí hợp lý để đầu tư Dự Án nhà máy sản xuất bê tông ly tâm tại Ấp Rạch Bắp, xã An Tây, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Thời hạn cho vay là 96 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày Bên Cho Vay giải ngân khoản nợ đầu tiên. Lãi suất cho vay là lãi suất ghi trên từng giấy nhận nợ và có giá trị từ thời điểm giải ngân cho đến khi có sự điều chỉnh lãi suất. Khoản vay được bảo đảm bằng nhà xưởng, máy móc thiết bị hình thành trong tương lai và quyền sử dụng đất thuê trả hàng năm tại nhà xưởng đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.17 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2016	64.141.000.000	6.737.500.000	(18.090.000)	16.239.960.253	22.062.413.496	109.162.783.749
Tăng trong năm	-	-	-	10.926.435.196	25.579.027.281	36.505.462.477
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	10.926.435.196	25.579.027.281	25.579.027.281
Phân phối lợi nhuận năm 2015	-	-	-	-	-	10.926.435.196
Giảm trong năm	-	-	-	-	26.551.017.196	26.551.017.196
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	10.926.435.196	10.926.435.196
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	2.800.000.000	2.800.000.000
Chia cổ tức năm 2015	-	-	-	-	8.335.978.300	8.335.978.300
Chia cổ tức đợt 1 năm 2016	-	-	-	-	4.488.603.700	4.488.603.700
Số dư tại 31/12/2016	64.141.000.000	6.737.500.000	(18.090.000)	27.166.395.449	21.090.423.581	119.117.229.030
Số dư tại 01/01/2017	64.141.000.000	6.737.500.000	(18.090.000)	27.166.395.449	21.090.423.581	119.117.229.030
Tăng trong năm	-	-	-	15.062.988.155	28.159.561.867	43.222.550.022
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	15.062.988.155	28.159.561.867	28.159.561.867
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	-	-	-	15.062.988.155
Giảm trong năm	-	-	-	-	21.169.133.655	21.169.133.655
Phân phối lợi nhuận năm 2016 (*)	-	-	-	-	15.062.988.155	15.062.988.155
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	-	2.900.000.000	2.900.000.000
Chia cổ tức năm 2016 (*)	-	-	-	-	3.206.145.500	3.206.145.500
Số dư tại 31/12/2017	64.141.000.000	6.737.500.000	(18.090.000)	42.229.383.604	28.080.851.793	141.170.645.397

(*) Phân phối lợi nhuận năm 2016 theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông số 311/TĐC-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 04 năm 2017; Số trích quỹ đầu tư phát triển là 15.062.988.155 đồng, trích quỹ khen thưởng phúc lợi là 2.900.000.000 đồng, chia cổ tức 12% Vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	32.711.910.000	32.711.910.000
Bà Hà Thị Kim Dung	3.236.100.000	3.236.100.000
Ông Phạm Ngọc Hiệp	1.368.000.000	3.696.860.000
Vốn góp của tổ chức, cá nhân khác	26.806.900.000	24.478.040.000
Cộng	64.122.910.000	64.122.910.000

Chi tiết vốn chủ sở hữu được cập nhật theo danh sách cổ đông gần nhất

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	Trình bày lại VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	64.141.000.000	64.141.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	64.141.000.000	64.141.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	3.206.145.500	12.824.582.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.414.100	6.414.100
Cổ phiếu phổ thông	6.414.100	6.414.100
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.809	1.809
Cổ phiếu phổ thông	1.809	1.809
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.412.291	6.412.291
Cổ phiếu phổ thông	6.412.291	6.412.291
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	42.229.383.604	27.166.395.449
Cộng	42.229.383.604	27.166.395.449

5.18 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	39.000.000	2.597.246.151
Doanh thu bán thành phẩm	206.525.726.676	214.591.767.760
Doanh thu cung cấp dịch vụ	18.870.812.747	20.104.355.451
Cộng	225.435.539.423	237.293.369.362



CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.19 Giá vốn hàng bán

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	38.610.000	2.379.366.208
Giá vốn của thành phẩm đã bán	155.813.391.622	163.374.590.337
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	19.359.382.847	21.157.824.022
Cộng	175.211.384.469	186.911.780.567

5.20 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi	1.991.930.133	2.287.106.913
Lãi cho vay	208.076.703	208.646.777
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.120.000.000	4.896.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	30.119.102	12.095.373
Cộng	8.350.125.938	7.403.849.063

5.21 Chi phí tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền vay	53.718.486	-
Chiết khấu thanh toán	1.601.033.840	1.077.108.105
Lỗ chênh lệch tỷ giá	16.697.914	78.458.891
Dự phòng tổn thất đầu tư	1.582.934.745	(120.254.890)
Cộng	3.254.384.985	1.035.312.106

5.22 Chi phí bán hàng

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên	1.891.823.574	1.494.310.840
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	98.281.946	140.442.811
Chi phí dùng cụ, đồ dùng	-	31.509.545
Chi phí bảo hành	917.922.025	5.897.701.565
Chi phí dịch vụ mua ngoài	178.298.686	185.466.486
Chi phí bằng tiền khác	1.305.593.578	1.911.441.790
Cộng	4.391.919.809	9.660.873.037

S.D.N
 C
 T
 KIẾ
 CPA
 HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.23 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2017 VND	Năm 2016 Trình bày lại VND
Chi phí nhân viên quản lý	10.156.377.369	10.659.640.551
Chi phí vật liệu quản lý	2.636.364	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	162.159.831	743.677.163
Chi phí khấu hao TSCĐ	557.617.396	697.907.520
Thuế phí và lệ phí	160.127.000	215.990.030
Chi phí dự phòng	1.762.398.008	1.206.802.564
Chi phí dịch vụ mua ngoài	467.724.439	515.990.365
Chi phí bằng tiền khác	3.758.157.861	2.541.725.866
Cộng	17.027.198.268	16.581.734.059

5.24 Lợi nhuận khác

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	151.163.636
Thanh lý vật tư tồn kho	56.402.130	-
Các khoản khác	8.185.098	165.342.255
Cộng	64.587.228	316.505.891
Chi phí khác		
Xử lý chênh lệch kiểm kê	101.740.851	-
Các khoản bị phạt	122.711.696	29.376.975
Các khoản khác	282.253	19.227
Cộng	224.734.800	29.396.202
Thu nhập khác thuần	(160.147.572)	287.109.689

01075
 NG T
 NH
 M TO
 VIETN
 ANG

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.25 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	33.740.630.258	30.794.628.345
<i>Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:</i>		
<i>Thù lao của Hội đồng Quản trị không trực tiếp điều hành</i>	284.711.696	179.376.975
<i>Các khoản phải nộp phạt</i>	162.000.000	150.000.000
<i>Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:</i>		
<i>Thu nhập từ nhận cổ tức</i>	122.711.696	29.376.975
<i>Thu nhập tính thuế</i>	6.120.000.000	4.896.000.000
<i>Thuế suất thuế TNDN áp dụng</i>	6.120.000.000	4.896.000.000
	20%	20%
Thuế TNDN hiện hành	5.581.068.391	5.215.601.064

5.26 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	119.885.818.859	114.161.727.203
Chi phí nhân công	59.068.061.210	56.678.527.084
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.047.823.105	2.235.587.532
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.531.118.318	11.181.132.724
Chi phí khác bằng tiền	7.069.272.075	7.490.822.627
Cộng	193.602.093.567	191.747.797.170

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY THỦ ĐỨC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan****Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc Công ty**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát	Thu nhập từ lương, thưởng và các khoản khác	3.183.029.000	3.001.958.000

Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<u>Giao dịch mua</u>				
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ đức 1	Công ty con	Mua hàng	1.021.165.654	2.518.777.308
<u>Giao dịch bán</u>				
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	Công ty mẹ	Bán hàng		7.934.644.400
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ đức 1	Công ty con	Bán hàng, cung cấp dịch vụ	2.424.593.393	2.295.703.939
<u>Giao dịch khác</u>				
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	Công ty mẹ	Cổ tức Công ty phải trả	1.635.595.500	4.947.833.700
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ đức 1	Công ty con	Cổ tức Công ty được nhận	6.120.000.000	4.896.000.000
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm VINAINCON	Công liên kết	Phải thu tiền lãi cho vay	208.076.703	208.646.777
Cộng			11.409.431.250	22.801.606.124

Số dư phải thu với bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	Công ty mẹ	Phải trả tiền cổ tức	-	4.947.833.700
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm VINAINCON	Công ty liên kết	Phải thu về cho vay	2.931.804.810	2.931.804.810

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY THỦ ĐỨC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.2 Điều chỉnh hồi tố

Số dư tại ngày 01/01/2017 được điều chỉnh theo Biên bản Thanh tra của Bộ Tài chính ngày 22 tháng 02 năm 2017. Sau khi điều chỉnh lại, số dư tại ngày 01/01/2017 trên Bảng Cân đối kế toán của Báo cáo kiểm toán số 248/2017/BCKT-BCTC/CPAVIETNAM Ngày 31 tháng 03 năm 2017 thay đổi như sau:

Chi tiêu	MS	Tại ngày 31/12/2016		Chênh lệch VND
		Thanh tra Bộ Tài Chính VND	Tại ngày 31/12/2016 Báo cáo Kiểm toán VND	
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
A. Phần Tài sản				
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	129	56.032.738.536	55.965.694.731	67.043.805
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	57.222.528.045 (1.189.789.509)	57.181.988.630 (1.216.293.899)	40.539.415
B. Phần Nguồn vốn				
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	29.378.905.359 8.288.481.778	29.311.861.554 8.142.727.899	67.043.805
<i>Trong đó:</i>				145.753.879
- Thuế giá trị gia tăng		1.133.349.564	967.918.167	165.431.397
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp		4.215.601.064	4.235.278.582	(19.677.518)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21.090.423.581	21.169.133.655	(78.710.074)
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH				
Chi phí tài chính	MS	Năm 2016		Chênh lệch VND
		Thanh tra Bộ Tài Chính VND	Năm 2016 Báo cáo Kiểm toán VND	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	1.035.312.106	1.061.816.496	(26.504.390)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	26	16.581.734.059	16.456.842.077	124.891.982
Lợi nhuận sau thuế TNDN	51	5.215.601.064	5.235.278.582	(19.677.518)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	25.579.027.281	25.657.737.355	(78.710.074)

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY THỦ ĐỨC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	60.766.815.170	57.777.825.766
Phải thu khách hàng và phải thu khác	36.178.380.124	38.896.272.581
Cộng	96.945.195.294	96.674.098.347
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	5.510.234.239	-
Phải trả người bán và phải trả khác	28.823.498.811	25.463.620.896
Chi phí phải trả	1.143.496.644	201.439.703
Cộng	35.477.229.694	25.665.060.599

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

6.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đã tiến hành rà soát tình trạng công nợ phải thu khách hàng, kết hợp đồng thời với thủ tục đối chiếu xác nhận công nợ phải thu, Công ty đã phân loại và đánh giá khả năng thu hồi công nợ theo từng khách hàng. Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2017			
Phải trả người bán và phải trả khác	28.823.498.811	-	28.823.498.811
Chi phí phải trả	1.143.496.644	-	1.143.496.644
Cộng	29.966.995.455	5.510.234.239	35.477.229.694
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 01/01/2017			
Phải trả người bán và phải trả khác	25.463.620.896	-	25.463.620.896
Chi phí phải trả	201.439.703	-	201.439.703
Cộng	25.665.060.599	-	25.665.060.599

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY THỦ ĐỨC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tại 31/12/2017	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	60.766.815.170	-	60.766.815.170
Phải thu khách hàng và phải thu khác	36.178.380.124	-	36.178.380.124
Cộng	96.945.195.294	-	96.945.195.294
Tại 01/01/2017	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	57.777.825.766	-	57.777.825.766
Phải thu khách hàng và phải thu khác	38.896.272.581	-	38.896.272.581
Cộng	96.674.098.347	-	96.674.098.347

6.4 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán và được điều chỉnh theo Biên bản Thanh tra của Bộ tài chính ngày 22 tháng 02 năm 2017.

Người lập



Bùi Minh Trúc

Kế toán trưởng



Phạm Anh Linh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2018

Giám đốc



Nguyễn Hữu Ý